

STT	DỊCH VỤ	MỨC PHÍ																																						
I - DỊCH VỤ EBANKING		INTERNET BANKING	SMS BANKING	MOBILE BANKING	OPEN BANKING																																			
1	Phí sử dụng dịch vụ (là phí duy trì sử dụng gói dịch vụ bao gồm: Truy vấn, Gold, Diamond, VIP.....)																																							
1.1	▪ Gói Truy vấn	-	-	-	-																																			
1.2	▪ Gói Gold	40.000 VNĐ/tháng	36.000 VNĐ/số điện thoại/tài khoản/tháng	-	40.000 VNĐ/tháng																																			
1.3	▪ Gói Diamond	60.000 VNĐ/tháng		-	60.000 VNĐ/tháng																																			
1.4	▪ Gói VIP	100.000 VNĐ/tháng		-	100.000 VNĐ/tháng																																			
2	Phí chuyển khoản																																							
2.1	▪ Ngoài hệ thống	Miễn phí		-	Miễn phí																																			
2.2	Chuyển tiền nhanh Napas 24/7																																							
2.2.1	Số tiền giao dịch từ 500.000 VNĐ trở xuống	Miễn phí	-	-	Miễn phí																																			
2.2.2	Số tiền từ 500.001 VNĐ đến 2.000.000 VNĐ	Miễn phí	-	-	Miễn phí																																			
2.2.3	Số tiền giao dịch từ 2.000.001 VNĐ cho đến 100.000.000 VNĐ	Miễn phí	-	-	Miễn phí																																			
2.2.4	Số tiền giao dịch trên 100.000.000 VNĐ	Miễn phí	-	-	Miễn phí																																			
3	Hạn mức giao dịch (Tối đa / ngày)																																							
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>GIAO DỊCH</th> <th>Gói Gold/ Combo Gold</th> <th>Gói Diamond/ Combo Diamond</th> <th>Gói VIP/ Combo VIP</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tổng hạn mức trong hệ thống ⁽¹⁾</td> <td>02 tỷ đồng</td> <td>04 tỷ đồng</td> <td>04 tỷ đồng</td> </tr> <tr> <td>Chuyển khoản trong hệ thống</td> <td>01 tỷ đồng</td> <td>02 tỷ đồng</td> <td>02 tỷ đồng</td> </tr> <tr> <td>Chuyển khoản trong hệ thống theo lô</td> <td>01 tỷ đồng</td> <td>02 tỷ đồng</td> <td>02 tỷ đồng</td> </tr> <tr> <th>GIAO DỊCH</th> <th>Gói Gold/ Combo Gold</th> <th>Gói Diamond/ Combo Diamond</th> <th>Gói VIP/ Combo VIP</th> </tr> <tr> <td>Tổng hạn mức ngoài hệ thống ⁽²⁾</td> <td>03 tỷ đồng</td> <td>06 tỷ đồng</td> <td>15 tỷ đồng</td> </tr> <tr> <td>Chuyển tiền nhanh Napas 24/7 ⁽³⁾</td> <td>01 tỷ đồng</td> <td>02 tỷ đồng</td> <td>05 tỷ đồng</td> </tr> <tr> <td>Chuyển khoản ngoài hệ thống</td> <td>01 tỷ đồng</td> <td>02 tỷ đồng</td> <td>05 tỷ đồng</td> </tr> <tr> <td>Chuyển khoản ngoài hệ thống theo lô ⁽⁴⁾</td> <td>01 tỷ đồng</td> <td>02 tỷ đồng</td> <td>05 tỷ đồng</td> </tr> </tbody> </table>				GIAO DỊCH	Gói Gold/ Combo Gold	Gói Diamond/ Combo Diamond	Gói VIP/ Combo VIP	Tổng hạn mức trong hệ thống ⁽¹⁾	02 tỷ đồng	04 tỷ đồng	04 tỷ đồng	Chuyển khoản trong hệ thống	01 tỷ đồng	02 tỷ đồng	02 tỷ đồng	Chuyển khoản trong hệ thống theo lô	01 tỷ đồng	02 tỷ đồng	02 tỷ đồng	GIAO DỊCH	Gói Gold/ Combo Gold	Gói Diamond/ Combo Diamond	Gói VIP/ Combo VIP	Tổng hạn mức ngoài hệ thống ⁽²⁾	03 tỷ đồng	06 tỷ đồng	15 tỷ đồng	Chuyển tiền nhanh Napas 24/7 ⁽³⁾	01 tỷ đồng	02 tỷ đồng	05 tỷ đồng	Chuyển khoản ngoài hệ thống	01 tỷ đồng	02 tỷ đồng	05 tỷ đồng	Chuyển khoản ngoài hệ thống theo lô ⁽⁴⁾	01 tỷ đồng	02 tỷ đồng	05 tỷ đồng
GIAO DỊCH	Gói Gold/ Combo Gold	Gói Diamond/ Combo Diamond	Gói VIP/ Combo VIP																																					
Tổng hạn mức trong hệ thống ⁽¹⁾	02 tỷ đồng	04 tỷ đồng	04 tỷ đồng																																					
Chuyển khoản trong hệ thống	01 tỷ đồng	02 tỷ đồng	02 tỷ đồng																																					
Chuyển khoản trong hệ thống theo lô	01 tỷ đồng	02 tỷ đồng	02 tỷ đồng																																					
GIAO DỊCH	Gói Gold/ Combo Gold	Gói Diamond/ Combo Diamond	Gói VIP/ Combo VIP																																					
Tổng hạn mức ngoài hệ thống ⁽²⁾	03 tỷ đồng	06 tỷ đồng	15 tỷ đồng																																					
Chuyển tiền nhanh Napas 24/7 ⁽³⁾	01 tỷ đồng	02 tỷ đồng	05 tỷ đồng																																					
Chuyển khoản ngoài hệ thống	01 tỷ đồng	02 tỷ đồng	05 tỷ đồng																																					
Chuyển khoản ngoài hệ thống theo lô ⁽⁴⁾	01 tỷ đồng	02 tỷ đồng	05 tỷ đồng																																					
II - COMBO		Gold	Diamond	VIP																																				
1	Phí sử dụng combo	50.000 VNĐ/tháng	70.000 VNĐ/tháng	100.000 VNĐ/tháng																																				
III - DỊCH VỤ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC																																								
<i>(bao gồm nộp thuế nội địa tại quầy, nộp thuế xuất nhập khẩu tại quầy, nộp thuế điện tử, hải quan 24/7.....)</i>																																								
1	Số tiền chuyển dưới 500 triệu đồng	0,01% (TT: 15.000 VNĐ)																																						
2	Số tiền chuyển từ 500 triệu đồng trở lên	0,04% (TĐ: 1.000.000 VNĐ)																																						

IV - MỘT SỐ QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

1. Giải thích ký tự:

VNĐ: Việt Nam đồng; VAT (value added tax): thuế giá trị gia tăng; TT: Tối thiểu; TD: Tối đa.

Combo bao gồm: các dịch vụ Internet Banking và/hoặc Open Banking, SMS Banking và các dịch vụ khác theo quy định từng thời kỳ.

2. Quy định chung

- Áp dụng hình thức thu phí theo tháng thay cho hình thức thu phí thường niên trước đây.
- Tài khoản đăng ký nhận thông báo thay đổi số dư (SMS Banking) bao gồm tài khoản tiền gửi thanh toán, tài khoản thẻ, tài khoản thấu chi,...
- Đối với tài khoản là ngoại tệ, mức phí sẽ được quy đổi thành VNĐ với tỷ giá do Nam A Bank công bố tại thời điểm thu phí.
- Nếu tài khoản khách hàng không đủ số dư tại thời điểm thu phí, Nam A Bank sẽ tiếp tục thu phí từ ngày thu phí đến cuối kỳ thu phí cho đến khi số dư có tài khoản bằng 0 và thực hiện truy thu phí đối với kỳ thu phí còn nợ trước đó. Đồng thời Nam A Bank có quyền ngừng cung cấp dịch vụ mà khách hàng chưa thanh toán phí.
- Đối với phí hàng tháng được thu vào ngày 24, 25 (Trường hợp ngày 24,25 là ngày nghỉ/ lễ thì thu sớm trước 01 ngày làm việc).
- Trường hợp khách hàng yêu cầu ngừng sử dụng dịch vụ, Nam A Bank tiến hành thu các loại phí chưa thu trong kỳ khi thực hiện ngừng cung cấp dịch vụ cho khách hàng.
- Biểu phí Thu Ngân sách Nhà nước: áp dụng cho các giao dịch Thu Ngân sách Nhà nước không phân biệt cùng hay khác Tỉnh/Thành phố nơi mở tài khoản; Không miễn phí đối với gói tài khoản tối ưu.
- Các khoản phí dịch vụ và các chi phí khác đã thu theo biểu phí này không được hoàn lại trong các trường hợp giao dịch yêu cầu hủy bỏ.
- Các khoản mục phí không liệt kê trong biểu phí này sẽ được áp dụng theo biểu phí ban hành của từng sản phẩm cụ thể (nếu có).
- Đối với dịch vụ Internet Banking, Open Banking, Mobile Banking: khách hàng đăng ký dịch vụ ở Đơn vị kinh doanh nào thì hạch toán thu phí vào thu nhập cho Đơn vị kinh doanh đó.
- Đối với các dịch vụ còn lại: tài khoản mở tại Đơn vị kinh doanh nào sẽ thu phí vào thu nhập cho đơn vị kinh doanh đó.
- Hình thức thu phí:
 - Phí hàng tháng: thu trong chương trình thu phí dịch vụ eBanking.
 - Phí khác: thu trực tiếp khi khách hàng yêu cầu. Các đơn vị nghiêm túc thực hiện việc thu phí này.
- Mức phí phải thu khách hàng cho 1 lần thực hiện giao dịch chuyển khoản ngoài hệ thống theo lô được tính theo công thức:
 - Phí chuyển tiền ngoài hệ thống theo lô = Phí chuyển tiền món 1 + ... + Phí chuyển tiền món n.
 - Phí chuyển tiền từng món được tính theo biểu phí chuyển tiền ngoài hệ thống trên Internet Banking.
- Không thông báo thay đổi số dư đối với các giao dịch lãi nhập vốn từ 100.000 đồng trở xuống và;
- Không thông báo thay đổi số dư khi phát sinh giao dịch thu phí định kỳ hoặc hoàn tiền theo chính sách ưu đãi từ 50.000 đồng trở xuống.
- Các khoản phí dịch vụ và các chi phí khác đã thu theo biểu phí này không được hoàn lại trong các trường hợp giao dịch yêu cầu hủy bỏ.
- Mức phí quy định trong biểu phí là mức phí tối thiểu, các Cấp phê duyệt có quyền phê duyệt để thu phí cao hơn.

V – THẨM QUYỀN GIẢM PHÍ

Mục phí	Tổng giám đốc /Phó TGD thường trực	Phó TGD phụ trách khối KHDN	Giám Đốc TTKD/Trưởng ĐVKD
Các khoản mục phí (bao gồm mức phí cố định, phí tối đa, phí tối thiểu)	Giảm tối đa 100%	Giảm tối đa 70%	Giảm tối đa 50%

Điều kiện: Miễn giảm tối đa không thấp hơn giá vốn

Ghi chú:

- Trưởng ĐVKD cần xem xét, đánh giá hiệu quả kinh doanh trước khi áp dụng phí dịch vụ, ví dụ: tăng dần bán chéo sản phẩm, tăng thu phí từ dịch vụ khác, tăng tiền gửi
- Các trường hợp phát sinh ngoài biểu phí, ĐVKD trình Tổng Giám Đốc/Người được TGD ủy quyền phê duyệt.